

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 2 (tháng 1/2017)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cống Liên Mạc	Trời lạnh, gió nhẹ, $t_{kk}^{\circ} = 12^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 16 km/h, độ ẩm 83%. Cống mở thông, nước đứng. Trên sông nhiều rác thải.	Nước màu xanh, đục.	7.23	48.8	2.35	0.3	0.13	12.9	444	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Cầu Diên Từ - Liêm	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 12^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 14 km/h, độ ẩm 82%. Dòng chảy chậm. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu xanh đen, mùi hôi.	7.29	48.6	1.02	0.3	0.31	49	478	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												động, thực vật thủy sinh.
3	3	Đập Hà Đông	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 14^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 15 km/h, độ ẩm 67%. Đập mở, dòng chảy chậm. Hạ lưu đập nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.21	60.6	0.49	0.4	0.97	43	517	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cầu Tó	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 14^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 17 km/h, độ ẩm 68%. Dòng chảy chậm. Trên sông và hai bên bờ có nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi.	7.19	50.9	1.07	0.4	0.32	67	502	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Cầu Xém	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 15^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 17 km/h, độ ẩm 62%. Dòng chảy chậm. Hai bên bờ nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi	7.28	43.0	2.12	0.3	0.32	96	454	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
				hôi.								Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	6	Đập Đồng Quan	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 17^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 10 km/h, độ ẩm 58%. Đập mở, dòng chảy chậm.	Nước màu xanh đen, mùi hôi.	7.38	45.0	0.72	0.3	0.64	102	476	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Đập Nhật Tựu	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 18^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 15 km/h, độ ẩm 60%. Đập đóng, không có dòng chảy.	Nước màu xanh lục.	7.7	39.9	5.72	0.3	0.7	52	375	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Cống Lương	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 17^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 16 km/h, độ ẩm 61%.	Nước màu	7.43	34.0	5.95	0.3	0.5	17	434	Không đủ điều kiện dùng cho

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5			6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5			5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9			4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9			2		0.9	15		
		Cổ	Cổng đóng, không có dòng chảy.	xanh lục.									tươi, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Cầu Vân - Phủ Lý	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 17^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 16 km/h, độ ẩm 61%. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ sông nhiều tàu thuyền neo đậu.	Nước màu xanh lục.	7.32	28.2	6.12	0.3	0.19	4.6	425	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
10	10	Sông Đăm	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 12^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 13 km/h, độ ẩm 83%. Dòng chảy trung bình, $Q = 3.5 \text{ m}^3/\text{s}$.	Nước màu xanh lục, đục.	7.22	85.8	4.74	0.3	0.23	12.6	367	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
11	11	Sông	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 11^{\circ}\text{C}$, gió	Nước	7.11	205.3	1.64	0.3	0.71	21	486	Không đủ điều	

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
		Cầu Ngà	Bắc 15 km/h, độ ẩm 79%. Dòng chảy chậm, mực nước thấp, Q = 4m ³ /s.	màu đen, đục.								kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Đập Thanh Liệt	Trời lạnh, t _{kk} ^o = 14 ^o C, gió Bắc 17 km/h, độ ẩm 69%. Đập đóng, không có dòng chảy.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.31	33.7	0.72	0.4	0.6	58	492	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Kênh Xuân La	Trời lạnh, t _{kk} ^o = 12 ^o C, gió Bắc 12 km/h, độ ẩm 83%. Dòng chảy xiết, xáo trộn rối, Q = 0.75 m ³ /s.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.28	42.7	1.5	0.3	0.93	26	441	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
14	14	Kênh Phú Đô	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 13^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 13 km/h, độ ẩm 80%. Dòng chảy chậm.	Nước màu xám đục.	7.35	36.6	1.85	0.4	0.34	37	590	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Kênh tiêu Trung Văn	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 13^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 13 km/h, độ ẩm 79%. Công mở, dòng chảy chậm.	Nước màu xám đục.	7.39	47.5	1.72	0.3	0.53	56	474	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	16	Cầu Am – Vạn Phúc	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 13^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 16 km/h, độ ẩm 78%. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu xám đục.	7.18	47.9	0.42	0.4	0.46	46	496	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	17	Kênh La Khê	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 13^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 13 km/h, độ ẩm 78%. Dòng chảy chậm, nước đang chảy ra hướng sông Đáy.	Nước màu vàng lục.	7.26	60.3	1.66	0.4	0.43	36	531	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	18	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 17^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 10 km/h, độ ẩm 50%. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu xám đục.	7.59	32.3	1.61	0.4	0.61	35	571	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
19	19	Kênh Duy Tiên	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 17^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 10 km/h, độ ẩm 58%. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh	7.77	43.2	5.15	0.4	0.58	29	497	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
				lục.								lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
20	20	Kênh Yên Xá – Thanh Trì	Trời lạnh, $t_{kk} = 14^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 16 km/h, độ ẩm 66%. Cống mở, dòng chảy chậm. Mặt nước nổi nhiều váng, ngoài sông nhiều rác thải.	Nước màu xám đen.	7.4	77.2	0.96	0.6	0.74	38	748	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
21	21	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà – Thường	Trời lạnh, $t_{kk} = 13^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 15 km/h, độ ẩm 66%. Dòng chảy chậm. Hạ lưu cầu nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.41	45.3	3.45	0.3	0.68	26	374	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
		Tín										
22	22	Kênh Hòa Bình (Thanh Trì)	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 14^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 18 km/h, độ ẩm 68%. Cống đóng, không có dòng chảy. Trên sông nuôi nhiều vịt.	Nước màu xanh.	7.51	51.0	3.05	0.3	0.25	32	478	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
23	23	Cống gằm cầu Trắng – Hà Đông	Trời lạnh, $t_{kk}^{\circ} = 13^{\circ}\text{C}$, gió Bắc 16 km/h, độ ẩm 77%. $Q = 0.007 \text{ m}^3/\text{s}$.	Nước màu xám đục, mùi hôi.	7.57	48.0	1.81	0.5	0.75	37	689	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.